

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Hiệu chỉnh: 17 Tháng 1, 2019

ASA-GR2-VN-004

Số Phiên bản: 4

PHẦN 1: Thông tin định danh Sản phẩm

1.1 Mã nhận dạng sản phẩm **ASACLEAN™ UP, newUP, HP, UF2, UL2, UB, SX, CP, FD, HR, SN**

1.2 Thông tin định danh khác Không có.

1.3 Khuyến cáo và hạn chế sử dụng Hợp chất tẩy máy nhựa dùng cho các máy ép nhựa nhiệt dẻo và máy đùn.

Không khuyến cáo sử dụng: nghiêm cấm sử dụng sản phẩm này cho những lĩnh vực sau đây:

- Cấy ghép trong cơ thể người
- Các ứng dụng xâm lấn trong cơ thể người
- Tiếp xúc với cơ thể người, bao gồm máu, dịch cơ thể v.v. liên tiếp trong 30 ngày hoặc lâu hơn.

Xem Phần 16 để biết thêm chi tiết.

1.4 Chi tiết về nhà cung cấp

Nhà nhập khẩu Việt Nam;
ELEMATC VIETNAM CO., LTD.
HANOI HEAD OFFICE

Phòng 505, tầng 5, tòa nhà V-Tower, số 649 Kim Ma, phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại; +84-24-3766-6408 Số fax; +84-24-3766-6407

ELEMATEC VIETNAM CO., LTD.

REPRESENTATIVE OFFICE IN HO CHI MINH CITY

Phòng 202, tầng 2, tòa nhà Zen Palaze, số 54-56 Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại; +84-28-3926-2620 Số fax; +84-28-3926-2650

Nhà cung cấp: Asahi Kasei Corporation, ASACLEAN Business Department, Hibiya Mitsui Tower, 1-1-2 Yurakucho, Chiyoda-Ku, Tokyo 100-0006 Japan

Điện thoại; +81-(0)3-6699-3274 Số fax; +81-(0)3-6699-3458.

1.5 Số điện thoại khẩn cấp +84-24-3766-6408 (Hà Nội) (8:00~17:00)
+84-28-3926-2620 (Hồ Chí Minh) (8:00~17:00)

PHẦN 2: Thành phần/Thông tin về thành phần

2.1 Hợp chất^a

Thành phần kê khai	Conc. (wt%)	CAS No.
Không kê khai		
Các thành phần khác		
Nhựa Olefinic, chất phụ gia nhựa,	Không kê khai	Không kê khai

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Hiệu chỉnh: 17 Tháng 1, 2019

ASA-GR2-VN-004

Số Phiên bản: 4

phụ gia vô cơ, các chất phụ gia khác		
--------------------------------------	--	--

^a Các đặc tính hóa học cụ thể và tỷ lệ phần trăm của thành phần là bí mật thương mại được giữ kín.

PHẦN 3: Thông tin định danh nguy hiểm

3.1 Phân loại chất hoặc hợp chất

Phân loại theo UN GHS Sản phẩm này không đáp ứng tiêu chí để phân loại vào bất kỳ loại nguy hiểm nào theo các tiêu chí GHS của UN, áp dụng tại Việt Nam. Do đó, không bắt buộc phải cung cấp phiếu an toàn hóa chất, nhưng tài liệu này chứa thông tin và lời khuyên liên quan đến việc thao tác sản phẩm an toàn.

3.2 Các yếu tố trên nhãn mác

Hình ảnh biểu tượng Không có.

Từ ngữ Ký hiệu Không có.

Tuyên bố về nguy hiểm Không có.

Tuyên bố về biện pháp phòng ngừa Không có.

3.3 Các mối nguy hiểm khác

Không có.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả về biện pháp sơ cứu

Hít phải Trong trường hợp hít phải hơi từ sản phẩm nóng chảy, hãy đưa nạn nhân ra chỗ không khí trong lành và đặt nạn nhân nghỉ ngơi ở tư thế có thể hít thở thoải mái. Chăm sóc y tế.

Tiếp xúc với da Trong trường hợp da tiếp xúc với bột hoặc hạt nhỏ, hãy rửa sạch bằng xà phòng và nước.

Trong trường hợp da tiếp xúc với nhựa nóng chảy, hãy làm mát bằng nước, và rửa vùng bị ảnh hưởng. Không được lột nhựa đã dính vào da và cứng lại. Chăm sóc y tế đối với vết bỏng.

Tiếp xúc với mắt Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, hãy phun rửa bằng nước ở nhiệt độ phòng trong 15 phút, thỉnh thoảng nâng mí mắt lên. Tháo kính áp tròng nếu dễ tháo. Tiếp tục rửa. Chăm sóc y tế nếu kích ứng kéo dài.

Nuốt phải Nếu nuốt phải, hãy tìm kiếm chăm sóc y tế ngay lập tức.

4.2 Những triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và xuất hiện muộn

Bụi và hơi có thể gây kích ứng mắt. Hít phải hơi có thể gây kích ứng hô hấp và ảnh hưởng độc hại khác.

4.3 Chỉ định về chăm sóc y tế tức thì và điều trị đặc biệt cần thiết

Điều trị các triệu chứng xuất hiện.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Hiệu chỉnh: 17 Tháng 1, 2019

ASA-GR2-VN-004

Số Phiên bản: 4

PHẦN 5: Biện pháp chữa cháy

5.1 Phương tiện dập lửa

Phù hợp Nhỏ lửa: carbon dioxide, bột hóa chất khô, phun nước, bột chống cồn.
Lửa lớn: phun nước, bột chống cồn.

Không phù hợp Khí carbon dioxide và các hóa chất khô không có khả năng làm lạnh, với khả năng tái phát lửa.

5.2 Các mối nguy hiểm đặc biệt phát sinh từ hóa chất

Mặc dù không được phân loại là dễ bắt lửa, nhưng sản phẩm này là vật liệu nhựa nhiệt dẻo dễ cháy và sẽ cháy nếu bắt lửa, sinh ra khói, hơi và khí độc như polyolefin phân hủy và các sản phẩm ô-xy hóa của nó.

5.3 Hành động bảo vệ đặc biệt đối với lính cứu hỏa

Di chuyển các thùng chứa ra khỏi lửa và làm mát bằng cách phun nước. Làm mát hoàn toàn các thùng chứa sau khi lửa đã tắt hoàn toàn.

Lính cứu hộ phải mang thiết bị thở độc lập và quần áo bảo hộ đầy đủ.

PHẦN 6: Biện pháp khi vô tình làm rò rỉ

6.1 Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp

Đối với sự cố đổ tràn lớn, hãy mặc trang phục bảo hộ cá nhân đầy đủ. Không để người không có phận sự vào khu vực đổ tràn. Có thể gây ra nguy hiểm trượt ngã. Thông gió cho khu vực và tránh tạo ra bụi trong không khí. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống xả tĩnh điện và sử dụng thiết bị không tạo ra tia lửa. Làm theo các quy trình đã được quy định để ứng phó với sự cố đổ tràn lớn và báo cáo với chính quyền. Để biết các thiết bị bảo hộ cá nhân được khuyến cáo, hãy xem Phần 8. Để biết những vấn đề cần xem xét khi thải bỏ, hãy xem Phần 13.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Tránh để sản phẩm xâm nhập vào nguồn nước hoặc hệ thống thoát nước.

6.3 Các biện pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Lau dọn sạch chỗ đổ tràn càng sớm càng tốt.

Đối với lượng đổ tràn ít, lau bằng khăn hoặc giấy, và rửa vùng bị ảnh hưởng bằng nước và xà phòng.

Đối với lượng đổ tràn nhiều, hãy quét cẩn thận hoặc hút bằng máy hút chân không. Rửa sạch bề mặt bị nhiễm bẩn bằng nước và xà phòng, và thu gom đồ giặt rửa để thải bỏ an toàn.

Đựng rác thải trong thùng chứa để thải bỏ.

PHẦN 7: Thao tác và bảo quản

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn

Tránh tiếp xúc với da và mắt, và tránh hít phải bụi hoặc hơi trong quá trình xử lý nhiệt. Sử dụng các biện pháp bảo vệ nêu trong Phần 8. Chỉ sử dụng trong khu vực được thông gió tốt. Rửa tay sau khi sử dụng.

Bụi hình thành trong quá trình xử lý có thể gây ra nguy hiểm nổ bụi. Luôn luôn lau sạch bụi. Tránh xa các nguồn phát lửa. Chỉ sử dụng thiết bị không đánh lửa.

Khi xử lý nhựa nóng chảy, hãy sử dụng thiết bị bảo hộ để tránh bị bỏng.

Không được để nhựa nóng chảy trong thùng chứa hoặc máy ở nhiệt độ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Hiệu chỉnh: 17 Tháng 1, 2019

ASA-GR2-VN-004

Số Phiên bản: 4

cao trong thời gian dài (xem bảng sử dụng trong Phần 16). Không được để tất cả các loại sản phẩm ASACLEAN ở nhiệt độ > 150 ° C trong \geq 1 giờ. Làm lạnh thùng chứa nếu cần. Tẩy sản phẩm khỏi máy móc sau khi đã đạt đến nhiệt độ xử lý. Nhựa đã tẩy phải được làm mát càng sớm càng tốt.

7.2 Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm mọi điều kiện không tương thích

Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng và độ ẩm cao. Để phòng cháy, giữ tránh xa nguồn nhiệt, ngọn lửa và các nguồn đánh lửa.

PHẦN 8: Kiểm soát tiếp xúc/Bảo hộ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Các giá trị giới hạn của Việt Nam Không có.

Các giá trị giới hạn của Hoa Kỳ Không có.

8.2 Các kiểm soát kỹ thuật

Khuyến cáo nên thông gió tổng thể tốt khi xử lý sản phẩm. Khi xử lý sản phẩm, có thể hình thành bụi hoặc hơi, khuyến cáo nên thông gió thải cục bộ hoặc sử dụng trong hệ thống khép kín.

8.3 Các biện pháp bảo hộ cá nhân, chẳng hạn như thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE)

Nên dựa vào đánh giá rủi ro tại nơi làm việc để xác định sự cần thiết phải có thiết bị bảo hộ cá nhân cho mục đích sử dụng cụ thể.

Tránh tiếp xúc với da và mắt bằng cách đi găng tay và mang kính bảo vệ mắt. Trong trường hợp có thể xảy ra tiếp xúc nhiều, hãy mặc quần áo bảo hộ (ví dụ như tạp dề, quần áo bảo hộ che kín toàn thân).

Trong quá trình xử lý, nếu có thể bị tiếp xúc với bụi hoặc hơi, hãy đeo mặt nạ chống bụi hoặc mặt nạ hơi hữu cơ.

Khi thao tác nhựa nóng chảy, hãy đeo kính bảo vệ, găng tay chịu nhiệt và áo dài tay để tránh bị bỏng.

Thiết bị bảo hộ cá nhân phải đạt tiêu chuẩn quốc gia. Hãy tham vấn nhà sản xuất về thời gian thẩm thấu.

PHẦN 9: Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin về các tính chất vật lý và hóa học cơ bản

Hình thức Hạt nhỏ màu trắng sữa đến vàng nhạt

Mùi Nhẹ, đặc trưng

Ngưỡng mùi Không có

pH Không có

Điểm nóng chảy/đóng băng 154 đến 164 °C (UP, newUP, HP, CP); 130 đến 135 °C (UF2, UL2, UB, SX, SN); 120 đến 130 °C (FD, HR)

Phạm vi/điểm bắt đầu sôi Không có

Điểm bốc cháy 330 °C (UP, newUP, HP, CP, HR); 380 °C (UF2, UL2, UB, SX); 410 °C (FD) ; 420 °C (SN)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Hiệu chỉnh: 17 Tháng 1, 2019

ASA-GR2-VN-004

Số Phiên bản: 4

Tốc độ bay hơi	Không có
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có
Giới hạn cháy hoặc nổ	Không có (giới hạn dưới đối với nổ bụi: 15 g/m ³)
Áp suất hơi	Không có
Mật độ hơi	Không có
Mật độ tương đối	UP, 1.08; newUP, 0.91; HP, 1.05; CP, 1.34; UF2, 0.95; UL2, 0.98; UB, 0.99; SX, 0.96; FD, 1.30; HR, không có dữ liệu; SN, 1.44
Tính hòa tan	Không tan trong nước; không hòa tan trong dung môi hữu cơ ở nhiệt độ phòng
Hệ số phân tán (log K _{ow})	Không có
Nhiệt độ tự bốc cháy	390 °C (UP, newUP, HP, CP, HR); 400 °C (UF2, UL2, UB, SX); 420 °C (FD); 460°C (SN)
Nhiệt độ phân hủy	Không có
Độ nhớt	Không có
Thông tin khác	Không có

PHẦN 10: Độ ổn định và độ phản ứng

10.1 Độ phản ứng	Không có.
10.2 Độ ổn định hóa học	Ổn định trong các điều kiện thao tác bình thường.
10.3 Khả năng phản ứng nguy hiểm	Không có.
10.4 Các điều kiện cần tránh	Tránh giữ ở nhiệt độ cao, xem Phần 16 để biết chi tiết. Không cất giữ ở chỗ có ánh nắng trực tiếp hoặc độ ẩm cao.
10.5 Các vật liệu không tương thích	Các a-xít mạnh, kiềm và chất ô-xy hóa.
10.6 Sản phẩm phân hủy nguy hiểm	Phân hủy nếu bị gia nhiệt và tạo ra hơi và khí độc như poly olefin phân hủy các sản phẩm oxy hóa của nó.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính

11.1 Thông tin về tác dụng độc hại

Độc tính cấp tính	Sản phẩm này có dạng hạt nhựa cứng nhỏ có bề mặt tiếp xúc nhỏ và không thể hít vào hệ hô hấp. Các thành phần không được dự kiến sẽ bị ngâm chiết ra khỏi sản phẩm. Sản phẩm chứa một số thành phần nguy hiểm ở nồng độ thấp, nhưng chúng tôi cho rằng những mối nguy hiểm không hiển hiện trong sản phẩm, vì vậy nó không đáp ứng các tiêu chí để phân loại.
	Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Kích ứng/ăn mòn da	Không phân loại do thiếu dữ liệu.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Hiệu chỉnh: 17 Tháng 1, 2019

ASA-GR2-VN-004

Số Phiên bản: 4

Kích ứng/gây hại nghiêm trọng cho mắt	Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Nhạy cảm với da hoặc đường hô hấp	Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Tính gây ung thư	Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Độc tính với khả năng sinh sản	Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Độc tính với cơ quan mục tiêu cụ thể (STOT) - tiếp xúc một lần	Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Độc tính với cơ quan mục tiêu cụ thể (STOT) - tiếp xúc nhiều lần	Không phân loại do thiếu dữ liệu.
Nguy hiểm xâm nhập đường thở	Không dự kiến đáp ứng tiêu chí để phân loại.

PHẦN 12: Thông tin sinh thái

12.1 Độc tính	Sản phẩm này có dạng hạt nhựa nhỏ và dự kiến các thành phần sẽ không bị tách ra khỏi sản phẩm bằng cách ngâm chiết. Sản phẩm không được coi là có hại cho hệ sinh thái, mặc dù nó có thể tồn tại trong môi trường.
12.2 Tính bền và khả năng phân hủy	Không dự kiến là dễ dàng phân hủy sinh học.
12.3 Khả năng tích lũy sinh học	Không dự kiến sẽ tích lũy sinh học.
12.4 Khả năng di chuyển trong đất	Không có.
12.5 Các tác dụng bất lợi khác	Không có.

PHẦN 13: Những vấn đề cần xem xét khi thải bỏ

13.1 Phương pháp thải bỏ	<p>Khuyến cáo nên thải bỏ chất này bằng cách đốt. Chất này có thể phù hợp để chôn lấp. Không khuyến cáo thải bỏ qua đường cống. Việc thải bỏ phải phù hợp với các quy định hiện hành của quốc gia và địa phương.</p> <p>Phải tuân theo tất cả các biện pháp phòng ngừa nguy hiểm nêu trong phiếu an toàn hóa chất này đối với các thùng chứa đã qua sử dụng, trừ khi các thùng chứa đã được làm sạch kỹ lưỡng.</p>
--------------------------	--

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Hiệu chỉnh: 17 Tháng 1, 2019

ASA-GR2-VN-004

Số Phiên bản: 4

PHẦN 14: Thông tin về vận chuyển

14.1 Số UN	Không được phân loại là hàng hóa nguy hiểm khi vận chuyển.
14.2 Tên vận chuyển đúng dẫn của UN	Không áp dụng.
14.3 (Các) mối nguy hiểm vận chuyển	Không áp dụng.
14.4 Nhóm đóng gói	Không áp dụng.
14.5 Nguy hiểm cho môi trường	Không được phân loại là chất gây ô nhiễm biển/nguy hiểm cho môi trường.
14.6 Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Không có.
14.7 Vận chuyển số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và Bộ luật IBC	Không áp dụng.

PHẦN 15: Thông tin quản lý

15.1 Các quy định an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể cho sản phẩm đang được đề cập	Việt Nam: Luật Hóa chất số: 06/2007/QH12; ngày 21 tháng 11, 2007; Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất số: 2008/ND-CP. Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT về các tiêu chuẩn vệ sinh lao động: Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp. Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 Hướng dẫn Phân loại và Ghi nhãn Hóa chất tuân theo GHS.
--	--

PHẦN 16: Thông tin khác

Hiệu chỉnh	Phiếu An toàn Hóa chất này là phiên bản đầu tiên theo định dạng GHS cho Việt Nam.
Các chữ viết tắt	GHS, hệ thống phân loại và ghi nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu; STOT RE, Độc tính với cơ quan mục tiêu cụ thể, tiếp xúc nhiều lần; STOT SE, Độc tính với cơ quan mục tiêu cụ thể, tiếp xúc một lần.
Tài liệu tham khảo	Tìm kiếm hóa chất; sẵn có tại trang web của Cơ quan Hóa chất Châu Âu: http://echa.europa.eu/ .

		Điều kiện Hoạt động
Loại	Phạm vi nhiệt độ (°C)	Các điều kiện cần tránh
UP	170 đến 300	Giữ trong thùng trong ≥30 phút ở nhiệt độ 280 đến 300 °C
newUP	170 đến 300	Giữ trong thùng trong ≥30 phút ở nhiệt độ 280 đến 300 °C

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Hiệu chỉnh: 17 Tháng 1, 2019

ASA-GR2-VN-004

Số Phiên bản: 4

HP	170 đến 300	Giữ trong thùng trong ≥ 30 phút ở nhiệt độ 280 đến 300 °C
CP	170 đến 300	Giữ trong thùng trong ≥ 30 phút ở nhiệt độ 280 đến 300 °C
UF2	170 đến 320	Giữ trong thùng trong ≥ 30 phút ở nhiệt độ 280 đến 320 °C
UL2	170 đến 320	Giữ trong thùng trong ≥ 30 phút ở nhiệt độ 280 đến 320 °C
UB	170 đến 320	Giữ trong thùng trong ≥ 30 phút ở nhiệt độ 280 đến 320 °C
SX	300 đến 370	Giữ trong thùng ≥ 30 phút ở nhiệt độ 370 °C
FD	140 đến 260	-
HR	170 đến 260	-
SN	150 đến 300	-
Không được để tất cả các loại sản phẩm ASACLEAN ở nhiệt độ > 150 ° C trong ≥ 1 giờ.		

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Thông tin này được cung cấp không có sự bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, ngoại trừ rằng nó chính xác theo hiểu biết tốt nhất của Asahi Kasei Corporation. Thông tin này chỉ liên quan đến sản phẩm cụ thể được chỉ định trong tài liệu này, và không liên quan đến việc sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quá trình nào. Công ty Asahi Kasei không chịu trách nhiệm pháp lý đối với việc sử dụng hoặc trông cậy vào thông tin này.

Theo chính sách của công ty chúng tôi, nghiêm cấm sử dụng sản phẩm này như một chất tẩy máy nhựa khi sản xuất thiết bị y tế, hoặc sản xuất thiết bị y tế trực tiếp, trong các lĩnh vực sau:

- Cấy ghép trong cơ thể người
- Các ứng dụng xâm lấn trong cơ thể người
- Tiếp xúc với cơ thể người, bao gồm máu, dịch cơ thể v.v. liên tiếp trong 30 ngày hoặc lâu hơn.

Đối với các ứng dụng liên quan đến y tế khác, hãy liên hệ với Phòng Kinh doanh ASACLEAN; Điện thoại +81-(0)3-6699-3274.

Đối với bất kỳ thắc mắc nào liên quan đến nội dung của phiếu an toàn hóa chất, hãy liên hệ:

ASACLEAN R & D Dept., Asahi Kasei Corporation, 1-3-1 Yakoh, Kawasaki-Ku, Kawasaki City, Kanagawa 210-0863, Japan; Tel +81-(0)44-271-2503; Fax +81-(0)44-271-2333.